

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN X
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **93/2019/HS-ST**
Ngày 26-9-2019

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN nhân dân huyện Xuân Lộc, TỈNH ĐỒNG NAI**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Tuấn
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Bùi Văn Dũng
Ông Hồ Văn Tài

- Thư ký phiên tòa: Bà Ngô Thị Châu Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Xuân Lộc xét xử công khai sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 99/2019/HSST ngày 26 tháng 8 năm 2019 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2019/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 9 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Lê Văn Tr**; Tên gọi khác: Trung đen; Sinh năm 1982 tại Nghệ An; Nơi cư trú: Khu phố 4, Phường T, Thành phố K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 05/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Lê Xuân L, sinh năm 1953 và bà Đặng Thị L1 (đã chết); Vợ, con: Không; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 123/HSST ngày 09/04/2003, bị Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xử phạt 14 năm tù về tội “Giết người”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 14/01/2015; Bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 10/6/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện Xuân Lộc.

2. Họ và tên: **Trần Chi Công D**; Tên gọi khác: Bé Hai; Sinh năm 1983 tại Đồng Nai; Nơi cư trú: Khu phố 1, Phường A, Thành phố K, tỉnh Đồng Nai; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 08/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân Tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Trần Công D1, sinh năm 1961 và bà Chi Thị Kim C, sinh năm 1963; Vợ: Lê Thị H, sinh năm 1979 (đã ly hôn); Con: Có 02 con, sinh năm 2000 và sinh năm 2005; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 18/8/2017, bị Tòa án nhân dân Thành phố K, tỉnh Đồng Nai ra quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào Cơ sở cai nghiện bắt buộc với thời gian 24 tháng. Ngày 18/01/2019 được miễn chấp hành phần thời gian áp dụng biện pháp xử lý hành chính còn lại; Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 15/HSST ngày 27/4/1998, bị Tòa án nhân dân huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 16 tháng tù về tội “Cướp tài sản công dân”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 13/6/1999; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 30/HSST ngày 25/3/2002, bị Tòa án nhân dân huyện Long Khánh, tỉnh Đồng Nai xử phạt 18 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày

01/12/2002; Tại bản án hình sự sơ thẩm số 17/2006/HSST ngày 28/02/2006, bị Tòa án nhân dân quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 10 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 29/4/2013; Bị giữ người trong trường hợp khẩn cấp ngày 10/6/2019, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ thuộc Công an huyện Xuân Lộc.

(Các bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại: Anh Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1976. Địa chỉ: ấp 7, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Lê Thị Th, sinh năm 1975. Địa chỉ: Khu phố 4, phường T, TP.K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

2. Chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1985. Địa chỉ: 238 Chu Văn An, phường T, TP.K, tỉnh Đồng Nai. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 15 giờ ngày 09/6/2019, Lê Văn Tr điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Kymco, màu đen biển số 60N6-5164, đi chơi ở khu vực gần sân vận động Thành phố K, tỉnh Đồng Nai thì gặp Trần Chi Công D nên Tr đã rủ D cùng đi trộm cắp tài sản bán lấy tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng thì D đồng ý. Sau đó, D điều khiển xe mô tô 60N6-5164 chở Tr đi theo Quốc lộ 1A về hướng xã Xuân Định, huyện X, tỉnh Đồng Nai tìm cơ hội trộm cắp tài sản. Đến khoảng 16 giờ 10 phút cùng ngày, khi D chở Tr đi qua ngã ba Bảo Định, thuộc ấp Bảo Định, xã Xuân Định, huyện X thì Tr nhìn thấy phía trước Cơ sở thu mua trái cây (không có bảng hiệu) tại ấp Bảo Định có xe ô tô tải biển số 60C-182.56 của anh Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1976, trú tại ấp 7, xã T, huyện X đang đậu ven đường, phía trên cabin xe ô tô có 01 điện thoại di động hiệu SamSung A605G, màu vàng đang sạc và không có người trông coi. Tr nói D quay xe lại dừng sát cửa khoang lái của ô tô tải rồi lên lút mở cửa xe tải trèo lên vị trí ngồi của tài xế và lấy trộm 01 điện thoại di động hiệu SamSung A605G, màu vàng của anh Tr1. Sau đó, Tr nói D chở về Thành phố K tìm chỗ để bán điện thoại vừa trộm cắp được. D chở Tr đến cửa hàng điện thoại “Thúy” trên đường Trần Phú, phường A, Thành phố K do chị Nguyễn Thị Ngọc T2, sinh năm 1985, trú tại phường T, Thành phố K làm chủ rồi D trực tiếp vào bán điện thoại. D vào cửa hàng và nói rằng điện thoại của mình không dùng nữa nên bán, chị T2 đồng ý mua với giá 2.000.000 đồng. Khi mua chị T2 không biết nguồn gốc điện thoại trên là do trộm cắp mà có. Số tiền bán được D và Tr chia nhau tiêu xài.

Vật chứng vụ án: 01 xe mô tô nhãn hiệu Kymco, màu đen, biển số 60N6-5164; 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A605G, màu vàng, số imel: 356472095304441/01.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 42/KL-HĐĐG ngày 13/6/2019 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc Ủy ban nhân dân huyện Xuân Lộc kết luận: Giá trị còn lại của 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung A605G màu vàng, đã qua sử dụng là 4.000.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 106/CT-VKSXL ngày 23 tháng 8 năm 2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc đã truy tố bị cáo Lê Văn Tr và Trần Chi Công D về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Xuân Lộc giữ nguyên quyết định truy tố theo bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Văn Tr và Trần Chi Công D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015. Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng; Về tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải theo điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên phạt: Bị cáo Lê Văn Tr từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù; Bị cáo Trần Chi Công D từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

- Đối với chị Lê Thị Th, không biết Lê Văn Tr và Trần Chi Công D sử dụng xe mô tô nhãn hiệu Kymco, màu đen, biển số 60N6-5164 của mình thực hiện hành vi phạm tội nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc không đưa ra hình thức xử lý là có căn cứ.

- Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T2, là người đã mua lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A605G, màu vàng do Lê Văn Tr và Trần Chi Công D trộm cắp đem bán. Chị T2 không biết nguồn gốc điện thoại trên là do phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc không đưa ra hình thức xử lý là có căn cứ.

Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Xuân Trường đã nhận lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A605G, màu vàng, số imel: 356472095304441/01 và không có yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa bị cáo Lê Văn Tr và Trần Chi Công D đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào khoảng 16 giờ 10 phút 09/6/2019, tại ấp Bảo Định, xã Xuân Định, huyện X, tỉnh Đồng Nai; Lê Văn Tr và Trần Chi Công D đã có hành vi lén lút trộm cắp 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A605G, màu vàng của anh Nguyễn Văn Tr1, sinh năm 1976, trú tại ấp 7, xã T, huyện X, tỉnh Đồng Nai đem bán lấy tiền chia nhau tiêu xài. Trị giá tài sản bị chiếm đoạt là 4.000.000 đồng.

Như vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ kết luận các bị cáo Lê Văn Tr và Trần Chi Công D phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

[2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tài sản đã thu hồi trả lại cho bị hại là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Đây là vụ án đồng phạm giản đơn, các bị cáo cùng nhau thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản hợp pháp của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an toàn trật tự tại địa phương. Về nhân thân các bị cáo Tr và D đã bị Tòa án đưa ra xét xử, trong đó bị cáo D đã 2 lần bị đưa ra xét xử về hành vi chiếm đoạt tài sản. Do đó, cần áp dụng mức hình phạt tù nghiêm, tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo nhằm răn đe giáo dục và phòng ngừa chung.

[5] Đối với chị Lê Thị Th là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Kymco, màu đen, biển số 60N6-5164, khi các bị cáo Tr và D sử dụng xe mô tô trên làm phương tiện phạm tội chị Th không biết nên cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc không truy cứu trách nhiệm hình sự và trả lại xe mô tô trên cho chị Th là phù hợp.

Đối với chị Nguyễn Thị Ngọc T2 là người đã mua lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu SamSung A605G, màu vàng do bị cáo D đem bán. Khi mua chị T2 không biết là tài sản do trộm cắp mà có nên Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Xuân Lộc không truy cứu trách nhiệm hình sự đối với chị T2 về hành vi “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có” là đúng pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Anh Nguyễn Xuân Tr đã lại tài sản và không có yêu cầu gì thêm về dân sự nên không xét.

[7] Đề nghị của Kiểm sát viên phù hợp một phần với nhận định trên nên chấp nhận phần phù hợp.

[8] Về hành vi, Quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, Quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, Quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[9] Về án phí: Các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội và bị kết án nên phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo **Lê Văn Tr** và **Trần Chi Công D** phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi bổ sung năm 2017).

Xử phạt: Bị cáo **Lê Văn Tr 10 (Mười)** tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2019.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Chi Công D 01 (Một)** năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 10/6/2019.

2. Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn Tr và Trần Chi Công D mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn) đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- TAND. T.Đồng Nai;
- VKSND T.Đồng Nai;
- Sở Tư pháp T.Đồng Nai;
- Công an H.Xuân Lộc;
- VKSND H.Xuân Lộc;
- Chi cục THADS H.Xuân Lộc;
- Những người tham gia tố tụng;
- Hồ sơ thi hành án;
- Lưu AV, HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Tuấn